

Số: **15770** /TB-SXD-KTVLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **08** tháng **5** năm 2026

THÔNG BÁO

V/v công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 4/2026

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025; Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng);

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng;

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng và một số vật tư phổ biến trong công trình xây dựng để làm cơ sở tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Nội dung công bố giá

NHÓM 1. THÉP XÂY DỰNG

1.1. Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL

Theo Công văn số 29/TMN-KD ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam – VNSteel.

1.2. Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei

Theo Công văn số 03.26/VKS-KKG ngày 21 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei.

NHÓM 2. XI MĂNG

2.1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long



Theo Công văn số 30/2025/CV-CNTL-TT ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.

2.2. Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Vicem Hà Tiên

Theo Công văn số Công văn số 99/TTDV-PTT ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Vicem Hà Tiên.

2.3. Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả

Theo Công văn số 18A/CV-CNPN ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả.

2.4. Công ty TNHH Kinh doanh Tiếp thị Xi măng Fico - YTL

Theo Công văn số 132 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Kinh doanh Tiếp thị Xi măng Fico - YTL.

2.5. Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long

Theo Công văn số 0433/TB-VCHL-KDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long.

2.6. Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn

Theo Công văn số 31/CV/SDC ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn.

NHÓM 3. VỮA

3.1. Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan-United

Theo Công văn số FPU/06-2025 ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần bê tông FiCO Pan-United.

NHÓM 4. DÂY, CÁP ĐIỆN

4.1. Công ty CP Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI)

Theo Công văn số 6661/CV-K.KD ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Công ty CP Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI).

NHÓM 5. ỐNG CỐNG, CỌC BÊ TÔNG

5.1. Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương

Theo Công văn số 33 CVHV.25 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương.

NHÓM 6. VẬT LIỆU LỢP

6.1. Công ty TNHH Tôn Pomina

Theo Công văn số 166/2025-PMN ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Tôn Pomina.

NHÓM 7. GẠCH KHÔNG NUNG

7.1. Công ty Cổ phần Vật liệu xanh Đại Dũng

Theo Công văn số Q1.2026/CBG-SXD ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật liệu xanh Đại Dũng.

7.2. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Lê Hùng

Theo Công văn số 01/CBG/2026 ngày 28 tháng 11 năm 2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Lê Hùng.

7.3. Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Theo Công văn số 53/MC-BCA ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

NHÓM 8. VẬT LIỆU ÓP LÁT

8.1. Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn

Theo Công văn số 01.26/DNCCBG-TPHCM-TBSG ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn.

8.2. Công ty TNHH Sơn Thạch

Theo Công văn số 01/CVST ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Sơn Thạch.

8.3. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm

Theo Công văn số 50/2026/CV-KD/TMĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm.

NHÓM 9. ĐÁ

9.1. Công ty Cổ phần Tân Cang

Theo Công văn số 55/08/2024-TC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

9.2. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ¹

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

9.3. Đá xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của các Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu ²

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

NHÓM 10. CÁT

10.1. Công ty Cổ phần Tân Cang

Theo Công văn số 55/08/2024-TC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

¹ Đối với các đơn vị chưa có thông tin về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; đề nghị các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu tham khảo giá thì phải liên hệ với doanh nghiệp khai thác để được cung cấp thông tin và hồ sơ chất lượng tương ứng.

² Sở Xây dựng nhận được báo cáo của 11 đơn vị: phường Thạnh Mỹ Tây, phường Bình Quới, phường Chánh Hưng, phường Thông Tây Hội, phường Phú Thọ, phường An Hội Tây, phường Hòa Lợi, phường Bình Tân, xã Thái Mỹ, xã Bà Điểm, xã Hiệp Phước; trong đó có 02 đơn vị báo cáo cơ bản phù hợp quy định.

10.1. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ³

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

10.2. Cát xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của các Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu ⁴

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

NHÓM 11. COFFA

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 12. BÊ TÔNG NHỰA NÓNG

12.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn

Theo Công văn số 324/CTGTSG ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

12.2. Công ty TNHH bê tông nhựa nóng Anco

Theo Công văn số 0104/ANCO ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH Bê tông nhựa nóng Anco.

NHÓM 13. NHỰA ĐƯỜNG NHỮ TƯƠNG

13.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn

Theo Công văn số 324/CTGTSG ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

13.2. Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo)

Theo Công văn số 543/ADCo-HC ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo).

13.3. Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai

Theo Công văn số 78/2026/CV-TGD ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai

NHÓM 14. BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM (bê tông trộn sẵn)

14.1. Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan-United

Theo Công văn số FPU/06-2025 ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần bê tông FiCO Pan-United.

14.2. Công ty Cổ phần Bê tông và Xây lắp Hodeco

Theo Công văn số 42/BTHODECO/09/2025 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây lắp Hodeco.

³ Đối với các đơn vị chưa có thông tin về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; đề nghị các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu tham khảo giá thì phải liên hệ với doanh nghiệp khai thác để được cung cấp thông tin và hồ sơ chất lượng tương ứng.

⁴ Sở Xây dựng nhận được báo cáo của 11 đơn vị: phường Thạnh Mỹ Tây, phường Bình Quới, phường Chánh Hưng, phường Thông Tây Hội, phường Phú Thọ, phường An Hội Tây, phường Hòa Lợi, phường Bình Tân, xã Thái Mỹ, xã Bà Điểm, xã Hiệp Phước; trong đó có 02 đơn vị báo cáo cơ bản phù hợp quy định.

14.3. Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại và Xây dựng Việt Hàn

Theo Công văn số VHC/GBT/01/2026 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại và Xây dựng Việt Hàn.

NHÓM 15. TRỤ ĐỀN

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 16. VẢI ĐỊA KỸ THUẬT

16.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát

Theo Công văn số 260301-05/CV-LP ngày 01 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

NHÓM 17. RỌ ĐÁ

17.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát

Theo Công văn số 260301-05/CV-LP ngày 01 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

NHÓM 18. SƠN, BỘT BẢ CÁC LOẠI

18.1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia

Theo Công văn số 26001/TB-HG ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia.

18.2. Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Hà Nội

Theo Công văn số 01.11/CV-2025 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Hà Nội.

18.3. Công ty TNHH Yulung Paint Manufacturing (Việt Nam)

Theo Công văn số 01/CV-YL ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Yulung Paint Manufacturing (Việt Nam).

18.4. Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)

Theo Công văn số 01/2026/NPV ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam).

18.5. Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới

Theo Công văn số 01.12.25/THM ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới.

18.6. Công ty TNHH Sơn KOVA NANOPRO

Theo Công văn số 01-2026/CV-KN ngày 12 tháng 01 năm 2026 và số 02-2026/CV-KOVA ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Sơn KOVA NANOPRO.

18.7. Công ty Cổ phần sơn và chất phủ Hòa Bình

Theo Công văn số 02-2026/CV-KOVA ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần sơn và chất phủ Hòa Bình.

18.8. Công ty Cổ phần Sivico

Theo Công văn số 01/2026/SVC ngày 05 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sivico.

18.9. Công ty TNHH Sơn TOA Việt Nam

Theo Công văn số 04-1/2026 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Sơn TOA Việt Nam.

18.10. Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam

Theo Công văn số AN11/26 ngày 04 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam.

18.11. Công ty TNHH Revolution Paint

Theo Công văn số ĐKG_01/2026 ngày 01 tháng 02 năm 2026 của Công ty TNHH Revolution Paint.

18.12. Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam

Theo Công văn số SLS/041/2026 ngày 01 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam.

NHÓM 19. TÁM THẠCH CAO

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 20. ÓNG NHỰA**20.1. Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh**

Theo Công văn số 104/CV/Europipe-26 ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh.

NHÓM 21. BÓNG ĐÈN VÀ PHỤ KIỆN ĐIỆN**21.1. Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tín Lợi**

Theo Công văn số 009/TL2025 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tín Lợi.

21.2. Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại Hưng Phú Hải

Theo Công văn số 01/2026HPH/TBG ngày 01 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại Hưng Phú Hải.

21.3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh

Theo Công văn số 052-2026TM/TBG ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh.

NHÓM 22. CỬA**22.1. Công ty Cổ phần Alumin Japan**

Theo Công văn số 01/2025/ALMJP-CV ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Alumin Japan.

22.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành

Theo Công văn số 01ĐTT ngày 04 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành.

22.3. Công ty Cổ phần Thương mại 125

Theo Công văn số 002/vlxd125 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thương mại 125.

22.4. Công ty TNHH Nhôm Nam Sung

Theo Công văn số 0226/2026/NS-CV ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung.

NHÓM 23. KÍNH XÂY DỰNG

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 24. MÀNG PHẢN QUANG

24.1. Công ty TNHH Đình Phương Nam

Theo Công văn số 01/2026/CV-ĐPN ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Đình Phương Nam.

NHÓM 25. VẬT LIỆU VÀ CẤU KIỆN KHÁC

25.1. Công ty TNHH Sigen

Theo Công văn số 94/2025/SIGEN ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Sigen.

25.2. Công ty TNHH GPS Việt Nam

Theo Công văn số 1503/GPS/CV/2026 ngày 15 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH GPS Việt Nam.

25.3. Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam, tên viết tắt là BUSADCO

Theo Công văn số 251/CV-KHCNVN ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam.

25.4. Công ty Cổ phần BESTMIX

Theo Công văn số BM24410TV/SXD ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần BESTMIX.

25.5. Công ty Cổ phần INDECONS VINA

Theo Công văn số 27-2026/CV ngày 12 tháng 03 năm 2023 của Công ty Cổ phần Indecon Vina.

II. Một số nội dung cần lưu ý

1. Văn bản cung cấp thông tin giá, đính kèm bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên được công bố kèm theo Thông báo này được **đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Thành phố**

Hồ Chí Minh theo địa chỉ <https://soxaydung.hochiminhcity.gov.vn/home> (mục Thông tin chuyên ngành – Kinh tế và Vật liệu xây dựng).

2. Giá công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, đồng thời có tham khảo giá thị trường; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

3. Giá công bố của các loại vật liệu phổ biến nêu trên là giá dùng để tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án; trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng theo quy định.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

- Khi các đơn vị thực hiện khảo sát, xác định giá vật liệu; đề nghị lưu ý về việc vật liệu phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Thường xuyên rà soát, báo cáo và đề xuất Sở Xây dựng cập nhật các loại vật liệu xây dựng chủ yếu, thiết bị công trình phổ biến vào danh mục để xem xét công bố giá; các khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có), để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng tháo gỡ kịp thời.

5. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng: “Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất,

nhập khẩu hàng hóa VLXD đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó”. Do đó, một số thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong văn bản cung cấp thông tin giá của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên vẫn còn áp dụng QCVN 16:2019/BXD do giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực.

6. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

7. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan.

- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo, đề xuất, kiến nghị về Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, số 60 Trương Định, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
 - Các Sở ban ngành;
 - UBND phường, xã, đặc khu;
 - Giám đốc Sở (để báo cáo);
 - VPS (để đăng tải website);
 - Lưu: VT, KTVLXD/NTB, NTHH.
- Đính kèm: 02 Phụ lục. *Am (02)*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Mẫn



Phụ lục 1
CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THEO BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 (Đính kèm Thông báo số **15770** /TB-SXD-KT/VLXD ngày **08 / 5** /2026 của Sở Xây dựng)

I. ĐÁ XÂY DỰNG

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá dăm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
1	Mỏ đá Thanh Tâm của Công ty Cổ phần Thanh Tâm (Khu phố Ông Trịnh, phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1x2 (10-25)	m3	QCVN16:2019/BXD			Khả năng cung ứng, công suất tối đa 1 (một) năm là 750.000m3	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ	334.400	8.000	7.114.083	
	Đá xây dựng	Đá 1x2 (15-30)	m3	QCVN16:2019/BXD					331.637	74.000		
	Đá xây dựng	Đá 20x40	m3	TCCS01/THAN HTAM					253.454	25.000		
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3	QCVN16:2019/BXD					253.637			
	Đá xây dựng	Bột đá (0-6)	m3	QCVN16:2019/BXD					225.000	30.000		
	Đá xây dựng	Đá 4*6	m3	QCVN16:2019/BXD					255.272	3.000		
2	Mỏ lộ 14 núi Thị Vải, xã Châu Pha của Công ty TNHH KT SX VLXD Thuận Lập (Áp 6 xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1x1	tấn	TCVN 7570	5x19; 5x20mm	- Ở trạng thái bão hòa: 262 MPa - Ở trạng khô: 266 MPa	Giao hàng lên phương tiện vận chuyển bên mua tại kho bãi Công ty tại Áp 6, Châu Pha, Hồ Chí Minh. Đã có thuế tài nguyên, phí BVMT.	Không cung cấp dịch vụ vận chuyển	209.091	42.000	15.317.232	
	Đá xây dựng	Đá 1x2	tấn	TCVN 7570	5x23,5mm				200.000	40.000		
	Đá xây dựng	Đá Mi cát Titan	tấn	TCVN 7570	0,1x6mm				181.818	25.000		
	Đá xây dựng	Đá Mi sàng Titan	tấn	TCVN 7570	5x13mm				181.818	18.000		
	Đá xây dựng	Đá 5x7 (4x6) chuẩn	tấn	TCVN 8857:2011	40-60 mm				172.727	3.000		
	Đá xây dựng	Đá 5x7 (4x6) kho chứa	tấn	TCVN 8857:2011	40-60 mm				168.182	-		
	Đá xây dựng	Đá cấp phối 0x4 xanh	tấn	TCVN 8859:2011	37.5 mm				163.636	12.000		

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá đầm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
3	Mỏ đá Tân Mỹ, xã Thường Tân của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 9, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1 x 2	tấn	TCVN 8859:2011	05 - 20mm		Khối lượng cung cấp tính theo tấn qua Trạm cân, không bao gồm vận chuyển, chỉ bốc xúc lên phương tiện vận chuyển tại mỏ.	Không vận chuyển, vận chuyển do các đơn vị tự đảm nhiệm	209.500	11.638.382		
	Đá xây dựng	Đá 0 x 4	tấn	TCVN 8859:2011	05 - 40mm				150.000			
	Đá xây dựng	Đá Dmax 0375	tấn	TCVN 8859:2011	0-4mm				168.100			
	Đá xây dựng	Đá Dmax 025	tấn	TCVN 8859:2011	0 - 25mm				177.200			
	Đá xây dựng	Đá Mi	tấn	TCVN 8859:2011	0 - 08mm				154.500			
4	Mỏ đá Tam Lập 3, xã Phú Giáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 9, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1x2	tấn	TCVN 7570:2006	05 - 20mm		Khối lượng cung cấp tính theo tấn qua Trạm cân, không bao gồm vận chuyển, chỉ bốc xúc lên phương tiện vận chuyển tại mỏ.	Không vận chuyển, vận chuyển do các đơn vị tự đảm nhiệm	250.000	6.847.417		
	Đá xây dựng	Đá 4x6	tấn	TCVN 7570:2006	20 - 70mm				190.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x4	tấn	TCVN 8859:2023	05 - 40mm				175.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x25	tấn	TCVN 8859:2023	0 - 25mm				240.000			
	Đá xây dựng	Đá Mi sàng	tấn	TCVN 8859:2023	0 - 08mm				205.000			
	Đá xây dựng	Đá Mi bụi	tấn	TCVN 8859:2023	0 - 08mm				155.000			
	Đá xây dựng	Đá vệ sinh	tấn	TCVN 8859:2023	0 - 08mm				108.000			

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mác đá dăm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
5	Mô đá xây dựng Rạch Rạt thuộc xã Phú Giáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 0x4	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		178.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 Dmax 25	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		245.000			
	Đá xây dựng	Đá 1x2 L16	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		254.000			
	Đá xây dựng	Đá 1x2 L25	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		255.000			
	Đá xây dựng	Đá mi bụi	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		158.000			
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		208.000			
	Đá xây dựng	Đá hộc	tấn				Bán tại mỏ		185.000			
6	Mô đá xây dựng Núi Lá, xã Phước Tân của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn (Số 243 đường 27/4, ấp Thạnh Sơn, xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 10x20	m3	TCVN 7570:2006	(10x20)mm		Khả năng cung ứng, công suất tối đa 1 (một) năm là 70.000m3 - Nguyên khối	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ	467.000	5.800 (Nguyên khối)	0,576	
	Đá xây dựng	Đá 20x40	m3	TCVN 7570:2006	(20x40)mm				465.000			
	Đá xây dựng	Đá 40x60	m3	TCVN 7570:2006	(40x60)mm				379.000			
	Đá xây dựng	Đá 0 x 4	m3	TCVN 7570:2006	(0 - 40)mm				319.000			
	Đá xây dựng	Đá 0,5 x 1	m3	TCVN 7570:2006	(5 - 10)mm				281.000			
	Đá xây dựng	Đá hộc	m3		Đá xô bỏ sau nổ mìn				285.000			
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3						263.000			
	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm Dmax = 37,5mm	m3	TCVN 8859: 2023	0x4mm Dmax = 37,5mm				353.000			
	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm Dmax = 25mm	m3	TCVN 8859: 2023	0x25mm Dmax = 25mm				367.000			

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá dăm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
7	Mô đá xây dựng Thường Tân V, xã Thường Tân của Công ty TNHH Hóa An Tân Uyên (Thửa đất số 741, ấp Thường Tân 3, xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá mi bụi	tấn						157.576			
	Đá xây dựng	Đá 1 x 2	tấn	TCVN 7570:2006					220.386			
	Đá xây dựng	Đá 0 x 4 L1	tấn	TCVN 8859:2023					164.141			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 vàng	tấn	TCVN 8859:2023					152.525			
8	Mô đá xây dựng Thường Tân, xã Thường Tân của Công Ty TNHH Phan Thanh (Thửa đất số 104,93 tờ bản đồ số 32, ấp 2, xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1x1 A	m3						377.408			
	Đá xây dựng	Đá 1x1 B	m3						374.000			
	Đá xây dựng	Đá 1x2 A	m3						377.408			
	Đá xây dựng	Đá 1x2 B	m3						350.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 A	m3						306.500			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 B	m3						299.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 2	m3						200.000			
	Đá xây dựng	Đá mi bụi A	m3						286.400			
	Đá xây dựng	Đá mi bụi B	m3						279.000			

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá dăm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
	Đá xây dựng	Đá mi bụi loại 2	m3						180.000			
	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3						350.500			
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3						298.000			
9	Mỏ đá xây dựng Hồng Đạt, xã Thường Tân của Công ty TNHH SX TM DV Hồng Đạt (Số 5 Đường số 82, Khu phố 1, phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	tấn						172.727			
	Đá xây dựng	Đá 1 x 1	tấn						236.364			
	Đá xây dựng	Bột Đá	tấn						83.000			
	Đá xây dựng	Mi cát khô	tấn						163.636			
	Đá xây dựng	Mi cát rửa	tấn						236.364			
10	Mỏ đá Thường Tân IV của Công ty Cổ phần đá Hoa Tân An (Áp 3 xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 0x4 Dmax 25 ly tâm	tấn						191.818	250.000 (Nguyên khối)	39.800.000	
	Đá xây dựng	Đá 0x4 Dmax 37,5 ly tâm	tấn						185.455			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 1	tấn						153.636			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 2	tấn						145.455			
	Đá xây dựng	Đá 1x1 ly tâm	tấn						208.182			
	Đá xây dựng	Đá 1x1 quy cách	tấn						201.818			

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá đầm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
	Đá xây dựng	Đá 1x2 loại 2	tấn						188.182	250.000 (Nguyên khối)	39.800.000	
	Đá xây dựng	Đá 1x2 ly tâm	tấn						208.182			
	Đá xây dựng	Đá 1x2 quy cách	tấn						201.818			
	Đá xây dựng	Đá 4x6	tấn						178.182			
	Đá xây dựng	Đá mi bụi	tấn						150.909			
	Đá xây dựng	Đá mi bụi loại 2	tấn						138.182			
	Đá xây dựng	Đá mi cát	tấn						158.182			
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	tấn						156.364			
	Đá xây dựng	Đá vệ sinh	tấn						81.818			
	Đá xây dựng	Đá 1x1 loại 2	tấn						188.182			
	Đá xây dựng	Đá mi sàng loại 2	tấn						145.455			
11	Mỏ đá xây dựng núi Ông Trịnh của Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico (76 Hồ Đắc Di, phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1x2	tấn		5-30mm				197.900	50.000	31.100.000	Khả năng cung ứng tính theo đơn vị tấn/tháng
	Đá xây dựng	Bột 0-5mm	tấn		0-5mm				153.700	20.000		
	Đá xây dựng	Đá mi	tấn		0-10mm				132.700	500		
	Đá xây dựng	Bột đá ly tâm	tấn		0-6mm				189.500	3.000		
	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	tấn		0-1200mm				95.000	120.000		

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá dăm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
-----	----------------	---	---------	---------------------------------	----------	--	----------------------	-------------	---	---	----------------------------------	---------

II. CÁT XÂY DỰNG (CÁT NGHIÊN, CÁT TỰ NHIÊN, CÁT SAN LẤP)

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Modul độ lớn	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
1	Mỏ cát xây dựng 55 xã Xuyên Mộc của Công ty TNHH DV XD Đại Lộc (212 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Cát xây dựng	Cát tự nhiên	m3		Cát rửa	0,6-1,4 mm	Công nợ 30 - 60 ngày	Chưa vận chuyển	308.000	1.000 - 3.000	164.000	
2	Mỏ cát Suối nhánh hồ Dầu Tiếng xã Minh Hòa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình (The Verosa Park, 39 Đường Số 10, Khu phố 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Cát xây dựng	Cát tự nhiên	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7572:2006	Cát rửa	từ 1.6 đến 3.0			350.000		540.000	





Phụ lục 2
CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THAM KHẢO GIÁ THỊ TRƯỜNG
THEO BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, ĐẶC KHU

(Đính kèm Thông báo số **15770** /TB-SXD-KYVLXD ngày **08** / **5** /2026 của Sở Xây dựng)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
	ĐÁ XÂY DỰNG										
1	Đá xây dựng	Đá 1x2	đồng/m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An	Việt Nam	Không có thông tin	Phạm vi địa bàn xã Thái Mỹ	Cửa hàng VLXD Trung Đông, 87 Tỉnh lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Thái Mỹ Công văn số 913/TCKH ngày 28/4/2026 của Phòng Kinh tế X.Thái Mỹ	800.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	đồng/m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An	Việt Nam	Không có thông tin	Phạm vi địa bàn xã Thái Mỹ	Cửa hàng VLXD Trung Đông, 87 Tỉnh lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Thái Mỹ Công văn số 913/TCKH ngày 28/4/2026 của Phòng Kinh tế X.Thái Mỹ	700.000
	CÁT XÂY DỰNG										



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú		Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]		[12]
3	Cát xây dựng	Cát xây tô	đồng/m ³	TCVN 7570:2006	ML=0.7-1.4	Công ty TNHH VLXD An Bình An	Việt Nam	Không có thông tin	Phạm vi địa bàn xã Thái Mỹ	Cửa hàng VLXD Trung Đông, 87 Tỉnh lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Thái Mỹ	Công văn số 913/TCKH ngày 28/4/2026 của Phòng Kinh tế X.Thái Mỹ	480.000
4	Cát xây dựng	Cát bê tông	đồng/m ³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An	Việt Nam	Không có thông tin	Phạm vi địa bàn xã Thái Mỹ	Cửa hàng VLXD Trung Đông, 87 Tỉnh lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Thái Mỹ	Công văn số 913/TCKH ngày 28/4/2026 của Phòng Kinh tế X.Thái Mỹ	480.000
5	Cát xây dựng	Cát san lấp	đồng/m ³			Công ty Thái Châu - bãi linh anh	Tây Ninh			Công ty TNHH XD TM VL Minh Thành, 102/56 Lê Văn Thọ, phường Thông Tây Hội	Công văn số 1802/UBND-KTHTĐT ngày 06/5/2026 của UBND P.Thông Tây Hội	450.000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú		Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]		[12]
		Cát san lấp	đồng/m ³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An	Việt Nam	Không có thông tin	Phạm vi địa bàn xã Thái Mỹ	Cửa hàng VLXD Trung Đông, 87 Tỉnh lộ 7, ấp Lò Táo Thượng, xã Thái Mỹ	Công văn số 913/TCKH ngày 28/4/2026 của Phòng Kinh tế X.Thái Mỹ	420.000

